

DANH SÁCH TRẢ TIỀN ĂN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ NGHỈ CÓ PHÉP

Tháng 11 Năm học: 2022 - 2023

KHỐI 1 + 2 + 3 + 4 + 5

ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Số ngày nghỉ	Số tiền/ 01 ngày	Thành tiền	Ký nhận	Họ và tên người nhận	Môi quan hệ với học sinh	Ghi chú
1	Vũ Ngọc Quỳnh Anh	Một 1	2	30,000	60,000		Trừ ngày ăn T12		
2	Huỳnh Nhật Hào	Một 1	2	30,000	60,000		Trừ ngày ăn T12		
3	Huỳnh Đăng Khoa	Một 1	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
4	Đoàn Bảo Long	Một 1	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
5	Lê Thảo Nhi	Một 1	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
6	Nguyễn Hồ Thanh Toàn	Một 1	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
7	Lê Phương Uyên	Một 1	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
8	Nguyễn Cao Ngọc Anh	Một 2	4	30,000	120,000		Trừ ngày ăn T12		
9	Phạm Lê Đức Hiếu	Một 2	2	30,000	60,000		Trừ ngày ăn T12		
10	Huỳnh Thiện Khang	Một 2	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
11	Trần Nhật Khánh Quỳnh	Một 2	5	30,000	150,000		Trừ ngày ăn T12		
12	Nguyễn Cao Minh Tiến	Một 2	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
13	Từ Hoàng Yến	Một 2	9	30,000	270,000		Trừ ngày ăn T12		
14	Nguyễn Trung Lập	Một 3	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
15	Đinh Đại Phát	Một 3	6	30,000	180,000		Trừ ngày ăn T12		
16	Lư Trọng Toàn	Một 3	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
17	Nguyễn Kim Anh	Một 4	5	30,000	150,000		Trừ ngày ăn T12		
18	Lý Lê Anh Duy	Một 4	2	30,000	60,000		Trừ ngày ăn T12		
19	Lê Huỳnh Liên Hân	Một 4	4	30,000	120,000		Trừ ngày ăn T12		
20	Nguyễn Ngọc Khánh	Một 4	2	30,000	60,000		Trừ ngày ăn T12		
21	Trương Thanh Huyền	Hai 1	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
22	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	Hai 1	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
23	Bùi Phan Phúc Vinh	Hai 1	3	30,000	90,000		Trừ ngày ăn T12		
24	Hoàng Ngọc Thiên Dương	Hai 2	4	30,000	120,000		Trừ ngày ăn T12		
25	Đặng Huỳnh Bảo Lộc	Hai 2	3	30,000	90,000		Trừ ngày ăn T12		
26	Huỳnh Ngọc Xuân My	Hai 2	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
27	Nguyễn Hoàng Phú	Hai 2	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
28	Lâm Hàn Thúy Anh	Hai 3	2	30,000	60,000		Trừ ngày ăn T12		
29	Võ Ngọc Ánh Dương	Hai 3	3	30,000	90,000		Trừ ngày ăn T12		
30	Nguyễn Quang Huy	Hai 3	2	30,000	60,000		Trừ ngày ăn T12		
31	Huỳnh Ngọc Lan Hương	Hai 3	2	30,000	60,000		Trừ ngày ăn T12		



ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Số ngày nghỉ	Số tiền/01 ngày	Thành tiền	Ký nhận	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
32	Bùi Phúc Khả Như	Hai 3	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
33	Võ Trần Minh Thư	Hai 3	4	30,000	120,000		Trừ ngày ăn T12		
34	Nguyễn Xuân Phát	Hai 4	3	30,000	90,000		Trừ ngày ăn T12		
35	Lê Huỳnh Nhật Đăng	Ba 1	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
36	Ng. Ngọc Phương Nghi (23/10)	Ba 1	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
37	Bùi Thị Quỳnh Như	Ba 1	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
38	Đặng Thị Như Ý	Ba 1	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
39	Hậu Thị Hồng Ý	Ba 1	5	30,000	150,000		Trừ ngày ăn T12		
40	Lý Ngọc Hoài An	Ba 2	6	30,000	180,000		Trừ ngày ăn T12		
41	Phạm Nguyễn Phúc Đạt	Ba 2	2	30,000	60,000		Trừ ngày ăn T12		
42	Đặng Hà Quán Huy	Ba 2	2	30,000	60,000		Trừ ngày ăn T12		
43	Phạm Hoàng Phương Mai	Ba 2	6	30,000	180,000		Trừ ngày ăn T12		
44	Nguyễn Thị Quỳnh Mãi	Ba 2	2	30,000	60,000		Trừ ngày ăn T12		
45	Phạm Hoàng Phương Nam	Ba 2	4	30,000	120,000		Trừ ngày ăn T12		
46	Nguyễn Mỹ Anh Thư	Ba 2	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
47	Trương Ngọc Thiên Trang	Ba 3	5	30,000	150,000		Trừ ngày ăn T12		
48	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Ba 3	4	30,000	120,000		Trừ ngày ăn T12		
49	Trần Ngọc Bảo Trân	Ba 3	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
50	Trần Ngọc Bảo Yến	Ba 3	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
51	Nguyễn Tấn Phong	Bốn 1	5	30,000	150,000		Trừ ngày ăn T12		
52	Nguyễn Song Hữu Thuận	Bốn 1	5	30,000	150,000		Trừ ngày ăn T12		
53	Lê Ngọc Thảo Trang	Bốn 1	2	30,000	60,000		Trừ ngày ăn T12		
54	Lê Nguyễn Tuyết Linh	Năm 2	2	30,000	60,000		Trừ ngày ăn T12		
55	Nguyễn Hoàng Anh Thư	Năm 2	1	30,000	30,000		Trừ ngày ăn T12		
56	Nguyễn Thúy Triệu Vy	Năm 2	7	30,000	210,000		Trừ ngày ăn T12		
	Tổng cộng		148		4,440,000				

Kế toán



Trần Hồng Ân

Ngày 30 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Phong